## RSPEC Part-2

# HIEP LE TUAN VEU, Sun-Asterisk le.tuan.hiep@sun-asterisk.com

### Ngày 29 tháng 2 năm 2020

## Mục lục

 $-\ be\_a\_new$ 

| I. Controller specs  | 1           |
|--|-------------|
| 1. Cookies   | 2<br>3<br>4 |
| Tài liệu tham khảo   |             |
| I. Controller specs  |             |
| Controller specs được đánh dấu bởi :type => :controller hoặc thiết lập config.infer_spec_type_from_file_locat trong spec/controller Một controller spec là một wrapper của Rails functional test. Nó cho phép ta mô phỏng một http request tr<br>mỗi example và kỳ vọng một response trả về cụ thể. Ví dụ: |             |
| • render templates   |             |
| • redirects  |             |
| • Biến đối tượng được gán trong controller được shared với view  |             |
| • cookies gửi lại cùng với response  |             |
| Để chỉ định kết quả trả về ta có thể sử dụng:  |             |
| • standard rspec matchers (expect(response.status).to eq(200))   |             |
| • standard test/unit assertions (assert_equal 200, response.status)  |             |
| • rails assertions (assert_response 200)   |             |
| • rails-specific matchers:   |             |
| - render_template  |             |
| <pre>expect(response).to render_template(:new)</pre>   |             |
| - redirect_to  |             |
| <pre>expect(response).to redirect_to(location)</pre>   |             |
| - have_http_status   |             |
| <pre>expect(response).to have_http_status(:created)</pre>  |             |
|  |             |

```
expect(assigns(:widget)).to be_a_new(Widget)
```

Ví du:

```
RSpec.describe TeamsController do

describe "GET index" do

it "assigns Oteams" do

team = Team.create

get :index

expect(assigns(:teams)).to eq([team])

end

it "renders the index template" do

get :index

expect(response).to render_template("index")

end

end

end
```

#### 1. Cookies

Controller specs cung cấp 1 số cách truy nhập cookies:

```
@request.cookies['key']
@response.cookies['key']
cookies['key']
```

Chú ý: Với railss-3.0.x và 3.1 có cách xử lý khác một chút, vì vậy để tránh nhằm lẫn, ta sử dụng hướng dẫn sau:

- Truy nhập cookies thông qua đối tượng request và response trong spec.
  - Sử dụng request.cookies trước hành động để thiết lập trạng thái
  - Sử dụng response.cookies sau khi hành động để chỉ định đầu ra cụ thể
- Sử dụng đối tượng cookies trong controller action.
- Sử dụng String keys.

```
# spec
request.cookies['foo'] = 'bar'
get :some_action
expect(response.cookies['foo']).to eq('modified bar')

# controller
def some_action
  cookies['foo'] = "modified #{cookies['foo']}"
end
```

#### Tại sao sử dụng Strings thay Symbols?

Đối tượng cookies trong spec được cung cấp bởi Rack, và không hô trợ truy cập thông minh (ví dụ: :foo và "foo" là những keys khác nhau).

Thay đổi này diễn ra trong rails 3.1, vì vậy ta có thể sử dụng symbol keys nhưng khuyến nghị nên dùng string key để đảm bảo tính nhất quán.

Tại sao không sử dụng cookies method? Cookies method kết hợp cả cookies request và cookies respond. Nó có thể gây ra sự nhằm lẫn khi thiết lập cookies trong example để thiết lạp trạng thái cho controller action.

```
# does not work in rails 3.0.0 > 3.1.0
cookies['foo'] = 'bar' # this is not visible in the controller
```

#### 2. Controller spec

• 1 Method pass example:

```
#spec/controllers/widgets_controller_spec.rb
require "rails_helper"

RSpec.describe WidgetsController, :type => :controller do
    describe "GET index" do
        it "has a 200 status code" do
        get :index
        expect(response.status).to eq(200)
    end
end
end
```

• Controller được thiết lập toàn cục trước khi hooks

```
#spec/controllers/widgets_controller_spec.rb
require "rails_helper"

RSpec.configure {|c| c.before { expect(controller).not_to be_nil }}

RSpec.describe WidgetsController, :type => :controller do
    describe "GET index" do
        it "doesn't matter" do
        end
        end
    end
end
```

• Thiết lập một content type khác cho example json (request type) @rails pre 5

```
#spec/controllers/widgets_controller_spec.rb
require "rails_helper"

RSpec.describe WidgetsController, :type => :controller do
    describe "responds to" do
    it "responds to html by default" do
        post :create, { :widget => { :name => "Any Name" } }
        expect(response.content_type).to eq "text/html"
    end

it "responds to custom formats when provided in the params" do
        post :create, { :widget => { :name => "Any Name" }, :format => :json }
        expect(response.content_type).to eq "application/json"
    end
end
end
```

• Thiết lập một content type khác cho example json (request type) @rails post 5

```
#spec/controllers/widgets_controller_spec.rb
require "rails_helper"

RSpec.describe WidgetsController, :type => :controller do
   describe "responds to" do
```

#### 3. Mặc định views là các stubs

Mặc đinh controller specs stub views với 1 teamplate sẽ hiển thị string thay cho views ứng dụng. Điều này cho phép ta chỉ định template action nào nên được render ra.

• Kỳ vọng template được hiển thị bởi controller action

• Kỳ vọng temple rỗng khi view path thay đổi khi runtime

```
require "rails_helper"

RSpec.describe ThingsController, :type => :controller do
    describe "custom_action" do
    it "renders an empty custom_action template" do
        controller.prepend_view_path 'app/views'
        controller.append_view_path 'app/views'
        get :custom_action
            expect(response).to render_template("custom_action")
            expect(response.body).to eq ""
        end
    end
end
```

• Kỳ vọng một temple thực với render views khi view path thay đổi tại runtime

```
require "rails_helper"

RSpec.describe ThingsController, :type => :controller do
    render_views
```

```
it "renders the real custom_action template" do
    controller.prepend_view_path 'app/views'
    get :custom_action
    expect(response).to render_template("custom_action")
    expect(response.body).to match(/template for a custom action/)
    end
end
```

## Tài liệu

[1] Relish Team, https://relishapp.com/rspec,